|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên đề XV** | **ĐỘNG TỪ KHUYẾT THIẾU****MODEL VERBS** |

**LÍ THUYẾT TRỌNG TÂM**

Động từ khuyết thiếu tuy là động từ nhưng không chỉ hành động mà bổ sung ý nghĩa cho động từ chính. Tất cả các động từ đi sau động từ khuyết thiếu luôn ở dạng nguyên thể.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Động từ****khuyết thiếu** | **Cách dùng** | **Ví dụ** |
| **can** | 1. Diễn tả khả năng, năng khiếu, (có thể)2. Lời xin phép, cho phép | 1. He can swim. *(Anh ta có thể bơi.)*2. Can I have a piece of cake? *(Tôi có thể có một miếng bánh không?)* |
| **could** | 1. Quá khứ của can (có thể)2. Lời xin phép, cho phép | 1. I could eat 3 bowls of Pho when I was 16 *(Tôi có thể ăn 3 tô phở khi tôi 16 tuổi.)*2. Could I ask you a question? *(Tôi có thể hỏi bạn một câu được không?)* |
| **must** | 1. Phải làm gì nhưng do bản thân tự nhận thức2. Mustn’t: cấm, không được3. Suy đoán gần như chắc chắn (chắc hẳn) | 1. She must do her homework. *(Cô ấy phảỉ làm bài tập.)*2. You mustn’t step on grass. *(Bạn không được dẫm lên cỏ.)*3. Leo must be sleeping. *(Leo chắc hẳn đang ngủ.)* |
| **have to** | 1. Phải làm gì nhưng do nội quy, luật pháp... quy định2. Phủ định: don’t have to (không cần thiết) | 1. Students have to wear uniform to school. *(Học sinh phải mặc đồng phục đến trường.)*2. Peter doesn’t have to attend the meeting. *(Peter không cần phải tham dự cuộc họp.)* |
| **should** | 1. Nên làm gì (mức độ nhẹ hon must và have to) | 1. There shouldn’t be many people at the beach today. *(Không nên có nhiều người ở bãi biển vào ngày hôm nay.)* |
| **ought to** | 1. Nên làm gìDạng phủ định: ought not to | 1. Ought she to call the police? *(Cô ấy có nên gọi cảnh sát không?)* |
| **will** | 1. Dự đoán sự việc trong tương lai (sẽ)2. Will you ...? dùng để đề nghị ai giúp mình. | 1. The next Olympic Games will be in London. *(Thế vận hội Olympic tiếp theo sẽ ở Luân Đôn.)*2. Will you pass me the salt? *(Bạn đưa tôi lọ muối được không?)* |
| **shall** | 1. Dùng để xin ý kiến, gợi ý2. Shall I ...? dùng để đề nghị mình giúp aiShall chỉ dùng với ngôi thứ nhất (I, we) | 1. Where shall we visit first? *(Chúng ta nên ghé thăm nơi nào trước.)*2. Shall I lift the box for you? *(Tôi có thể nâng chiếc hộp giúp bạn chứ?)* |
| **may** | 1. Có thể xảy ra nhưng không chắc (có lẽ)2. May I...? dùng để xin phép | 1. He may bring me some snacks. *(Anh ta có lẽ sẽ mang cho tôi chút đồ ăn vặt.)*2. May I go out? *(Cho em xin phép ra ngoài?)* |
| **might** | 1. Có thể xảy ra nhưng không chắc (có lẽ)2. Might là quá khứ của may trong trường hợp lùi thì trong câu tường thuật | 1. Kevin might be late for school. *(Kevin có lẽ sẽ muộn học.)*2. ‘That may not be true’, she said. 🡪 She said that it might not be true. |
| **need** | 1. Vừa là động từ thường (need to V) 2. vừa là động từ khuyết thiếu  | 1. You need to drink the medicine that the doctor gave you. *(Bạn cần uống thuốc bác sĩ đưa.)*2. You needn’t go to school because today is Sunday. *(Bạn không cần đến trường vì hôm nay là chủ nhật.)* |
| **had better** | 1. Đưa ra lời khuyên (tốt hơn là) | It’s cold outside. You had better put on your coat. *(Bên ngoài khá lạnh. Bạn tốt hơn là nên mặc áo khoác vào.)* |

★ **Lưu ý: “Can”** không có dạng ở tương lai nên ta dùng “will be able to V” để nói về khả năng

**BÀI TẬP TỰ LUYỆN**

Exercise 1. Circle the best correct answer (A, B, c or D) for each of following questions.

**Tra ID Đề [5235] - Tra ID Video [5236]**

**Question 1** [573470]: You \_\_\_\_\_\_ eat so much junk food. It's not good for your health.

A. mustn't B. shouldn't C. could D. may

**Question 2** [573471 ]: You \_\_\_\_\_\_ park your car here. It's a no-parking zone.

A. mustn't B. shouldn't C. can D. may

**Question 3** [573472]: Mia \_\_\_\_\_\_ be the one who took my book. She was the last person in the room.

A. must B. might C. could D. should

**Question 4** [573473]: You \_\_\_\_\_\_ wear the uniform five days a week. That is the new rule.

A. should B. must C. have to D. can

**Question 5** [573474]: She \_\_\_\_\_\_ clean the floor because we just bought a vacuum robot.

A. shouldn’t B. needn’t C. mustn’t D. can’t

**Question 6** [573475]: The air conditioner in the office broke down yesterday, so Igo to the coffee shop to work

A. must B. should C. have to D. ought to

**Question 7** [573476]: If she knows he is addicted to gambling, she \_\_\_\_\_\_ be very upset.

A. must B. should C. have to D. need

**Question 8** [573477]: I \_\_\_\_\_\_ fix the roof myself in 1 or 2 hour, so you \_\_\_\_\_\_ wait for me.

A. can/mustn’t B. can/needn’t C. should/mustn’t D. should/needn’t

**Question 9** [573478]: Lisa has an earache. She’d better \_\_\_\_\_\_ to see the doctor.

A. go B. going C. to go D. to going

**Question 10** [573479]: The sign says “Keep out!”. We \_\_\_\_\_\_ enter this area.

A. should B. mustn’t C. needn’t D. must

**Question** 11 [573480]: Remember to bring the umbrella. It \_\_\_\_\_\_ rain.

A. might B. must C. has to D. should

**Question 12** [573481]: You \_\_\_\_\_\_ drive so fast because wehave a lot of time to get to the airport.

A. haven’t to B. shouldn’t C. mustn’t D. ought to not

**Question 13** [573482]: Children \_\_\_\_\_\_ eat too much junk food. It’s not good for their health.

A. shouldn’t B. mustn’t C. can’t D. must

**Question 14** [573483]: Bring along a camera with you. You \_\_\_\_\_\_ need to take some photos.

A. may B. can C. must D. should

**Question 15** [573484]: In the next morning, we will \_\_\_\_\_\_ open the website for local artisans to sell the products.

A. can B. able to C. be able to D. can be

**Question** 16 [573485]: \_\_\_\_\_\_ you help me with my homework?

A. Have to B. Should C. Shall D. Need

**Question 17** [573486]: Hany's been driving all day – he \_\_\_\_\_\_ be tired.

A. might B. must C. should D. have to

Question 18 [573487]: Children play in the kitchen because they \_\_\_\_\_\_ hurt themselves.

A. should/can B. shouldn’t/can C. mustn’t/can D. mustn’t/may

**Question** 19 [573488]: Why is that man looking around like that? – He \_\_\_\_\_\_ be lost.

A. must B. could C. should D. can

**Question 20** [573489]: $70 for two ice-creams! That’s crazy! This bill \_\_\_\_\_\_ be right!

A. can B. could C. can’t D. couldn’t

Question 21 [573490]: You look exhausted. You \_\_\_\_\_\_ stay up so late.

A. can’t B. shouldn’t C. mustn’t D. may not

**Question 22** [573491]: Where is Linda. She has never been late for work. She \_\_\_\_\_\_ miss the bus.

A. must B. should C. can D. doesn’t have to

Question 23 [573492]: You \_\_\_\_\_\_ apply for the job before the deadline passes.

A. must B. will C. would D. may

**Question** 24 [573493]: We \_\_\_\_\_\_ leave early if we want to avoid the traffic.

A. will B. could C. must D. should

**Question 25** [573494]: \_\_\_\_\_\_ you give me a hand?

A. Will B. Should C. Need D. May

**Question** 26 [573495]: What you \_\_\_\_\_\_ is a nice hot bowl of soup. It’s so cold outside.

A. will B. need C. must D. have to

**Question 27** [573496]: Liam \_\_\_\_\_\_ be very tall to play basketball. Everyone in the team is over 180 centimeters.

A. may B. has to C. should D. must

**Question 28** [573497]: I \_\_\_\_\_\_ speak French fluently when I was younger.

A. could B. can C. would D. had to

**Question 29** [573498]: \_\_\_\_\_\_ I open the window? It’s stuffy here.

A. Need B. Shall C. Will D. Would

**Question 30** [573499]: Medicine \_\_\_\_\_\_ be free to every citizen.

A. can B. must C. ought to D. need

**Exercise 2.** **Rewrite the second sentence so that it has a similar meaning to the first one, using modal verbs in the brackets.**

**Tra ID Đề [5237] - Tra ID Video [5238]**

**Question** 1 [573500]: The doctor told him to have less sugar and soft drinks. **(SHOULD)**

**🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Question 2** [573501]: Smoking is not allowed in hospitals. **(MUSTN’T)**

**🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Question 3** [573502]: It isn’t necessary for you to bring an umbrella. **(NEEDN’T)**

**🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Question 4** [573503]: You’d better protect yourself from COVID-19. **(SHOULD)**

**🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Question 5** [573504]: There is no need for you to visit your uncle tomorrow. **(HAVE TO)**

**🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Question 6** [573505]: It’s possible that he will redecorate his house this year. **(MIGHT)**

**🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Question 7** [573506]: I'm sure that painting is very interesting. **(MUST)**

**🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Question 8** [573507]: It’s forbidden to park here. **(MUSTN’T)**

**🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Question 9** [573508]: It’s your obligation to obey the traffic laws. **(HAVE TO)**

**🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Question 10** [573509]: Yuuki managed to finish the project herself. **(ABLE)**

**🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên đề XVI** | **CỤM ĐỘNG TỪ****PHRASAL VERB** |

**LÍ THUYẾT TRỌNG TÂM**

Cụm động từ là sự kết hợp giữa một động từ và trạng từ hoặc giới từ hoặc có khi cả hai. Nghĩa của cụm động từ thường sẽ có ý nghĩa không giống nghĩa của những từ đơn lẻ cấu tạo thành nó.

**Ví dụ:** Từ ‘take’ khi đứng đơn lẻ mang nghĩa là lấy. Tuy nhiên, khi kết họp với giới từ ‘after’, chúng ta được cụm động từ ‘take after’ mang nghĩa là trông giống với ai.

Dưới đây là một số cụm động từ xuất hiện trong chương trình học và hay xuất hiện trong các đề thi.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cụm động từ** | **Nghĩa** |
| 1 | ask forask sb out | *hỏi xin**mời ai đó đi chơi* |
| 2 | break down break in(to) break up | *bị hỏng (máy móc, xe cộ)* *đột nhập**chia tay* |
| 3 | bring backbring up | *gợi nhớ lại* *nuôi nấng* |
| 4 | build up | *phát triển/làm tăng lên* |
| 5 | call offcall out | *hủy**gọi to, hét to* |
| 6 | calm down | *bình tĩnh* |
| 7 | care aboutcare for | *quan tâm**chăm sóc* |
| 8 | carry oncarry out | *tiêp tục* *tiến hành* |
| 9 | come acrosscome down withcome outcome roundcome upcome up with | *tình cờ gặp* *mắc bệnh (nhẹ)* *lộ ra* *ghé thăm/hồi tỉnh* *xảy ra/xuất hiện (thông tin)* *nảy ra (ý tưởng, giải pháp)* |
| 10 | cross out | *gạch bỏ* |
| 11 | cut downcut down (on)cut incut off | *đốn hạ**cắt giảm* *ngắt lời/cắt ngang* *cắt nguồn (điện)* |
| 12 | do overdo up | *làm lại**tân trang* |
| 13 | dress up | *diện đồ/hóa trang* |
| 14 | drop in (on)drop out (of) | *ghé qua, tạt qua**bỏ dở (học hành, thi cử)* |
| 15 | fall behindfall for sb/sthfall out with sb | *tụt lại, chậm lại* *mê đắm ai, cái gì* *nghỉ chơi với ai* |
| 16 | fill infill outfill up | *điền vào đơn**điền thông tin/lên cân* *đổ đầy, làm đầy* |
| 17 | find out | *tìm ra* |
| 18 | get aroundget away (from)get byget in >< get outget on >< get offget on/along (with sb)get overget throughgetup | *đi lại**rời khỏi/đi du lịch* *xoay sở kiếm sống**lên xe >< xuống xe (xe hơi, taxi...)**lên >< xuống (xe buýt, tàu, máy bay...)**có mối quan hệ tốt (với ai)**hồi phục/tốt hơn sau một thời gian khỏ khăn vượt qua, hoàn thành**thức dậy* |
| 19 | go down withgo for (a walk, a run...)go in forgo offgo ongo outgo over | *mắc bệnh**đi (bộ, chạy)**tham gia**reo (chuông, báo thức)/ nổ (bom)/ hỏng (đồ ăn)**tiếp tục* *đi ra ngoài* *rà soát lại* |
| 20 | give upgive away | *từ bỏ, bỏ cuộc**cho đi* |
| 21 | hand downhand in | *truyền lại, truyền nghề* *nộp* |
| 22 | keep up with keep out (of) = keep away | *theo kịp* *tránh xa khỏi* |
| 23 | let sb down | *làm ai đó thất vọng* |
| 24 | look afterlook aroundlook backlook down on sblook forlook foward to +V-inglook in (on)look intolook outlook uplook up to | *chăm sóc**ghé thăm/nhìn quanh* *hồi tưởng* *coi thường ai* *tìm kiếm* *mong đợi**ghé thăm ai (nhanh chóng)* *xem xét kĩ, điều tra* *coi chừng (cảnh báo nguy hiểm)* *tra cứu**kính trọng* |
| 25 | make up make up for | *dựng chuyện/làm hòa/chuẩn bị* *bù lại* |
| 26 | meet up with | *gặp ai (hẹn trước)* |
| 27 | note down | *ghi lại* |
| 28 | pass downpass away | *truyền lại* *qua đời* |
| 29 | pick up | *nhặt/nắm được/đón ai đó* |
| 30 | pull down pull over | *kéo đổ, sập* *dừng xe (vào lề)* |
| 31 | put awayput onput offput output up with | *dọn đi, cất đi* *mặc**trì hoãn**dập tắt (lửa)* *chịu đựng* |
| 32 | run intorun out of = use up | *tình cờ gặp ai* *hết, cạn kiệt* |
| 33 | save up | *tiết kiệm* |
| 34 | set up set off | *thành lập* *khởi hành* |
| 35 | see sb off | *tiễn aỉ đó* |
| 36 | show up = turn upshow off | *xuất hiện* *khoe khoang* |
| 37 | speed up >< slow down | *tăng tốc, đẩy nhanh >< chậm lại* |
| 38 | stand forstand out | *viết tắt của nổi* *bật lên* |
| 39 | start up | *khởi nghiệp* |
| 40 | stay up | *thức* |
| 41 | take aftertake awaytake care oftake downtake intake offtake ontake overtake up | *giống* *mang đi* *chăm sóc* *dỡ xuống/hạ xuống* *lừa gạt/hiểu* *cởi (quần áo)/cất cánh* *đảm nhiệm/thuê* *tiếp quản* *bắt đầu một sở thích, thói quen* |
| 42 | turn on >< turn offturn up >< turn downturn upturn down | *bật >< tắt**vặn to >< vặn nhỏ (âm lượng)* *xuất hiện**từ chối* |
| 43 | throw away | *vứt đi* |
| 44 | try outtry on | *thử**mặc thử* |
| 45 | use up | *dùng hết* |
| 46 | wake up | *tỉnh dậy* |
| 47 | wash up | *rửa/cuốn trôi* |

**BÀI TẬP TỰ LUYỆN**

Exercise 1. Circle the best correct answer (A, B, C or D) for each of following questions.

**Tra ID Đề [5240] - Tra BD Video [5241]**

**Question 1** [573510]: Could you please \_\_\_\_\_\_ the music? It's too loud.

A. turn off B. turn down C. turn up D. turn over

**Question 2** [573511]: They decided to \_\_\_\_\_\_ their old car and buy a new one.

A. get off B. get on C. get rid of D. get out

**Question 3** [573512]: We should \_\_\_\_\_\_ the plan before presenting it to the boss.

A. go over B. go in C. go out D. go for

**Question 4** [573513]: The new restaurant \_\_\_\_\_\_ a lot of positive reviews from customers.

A. brought in B. brought up C. brought out D. brought down

**Question 5** [573514]: I need to \_\_\_\_\_\_ this report by tomorrow morning.

A. hand out B. hand over C. hand in D. hand down

**Question 6** [573515]: The fire alarm \_\_\_\_\_\_ just as we were about to start the presentation.

A. went off B. went on C. went up D. went for

**Question 7** [573516]: I need to \_\_\_\_\_\_ these shoes to see if they fit properly.

A. put out B. put off C. try on D. make up

**Question 8** [573517]: I need to \_\_\_\_\_\_ my passport number on the application form.

A. fill out B. fill up C. fill in D. fill away

**Question 9** [573518]: Sarah \_\_\_\_\_\_ her old clothes to charity to support the victims of the tsunami.

A. gave up B. gave out C. gave away D. gave in

**Question 10** [573519]: Mark \_\_\_\_\_\_ a new hobby last year and now he's really into photography.

A. took up B. took over C. took in D. took down

**Question 11** [573520]: The students are looking forward \_\_\_\_\_\_ a break after their exams.

A. will have B. to have C. to having D. having

**Question 12** [573521]: The company \_\_\_\_\_\_ a new marketing strategy to attract younger customers.

A. come up with B. come across C. come into D. come out

**Question 13** [573522]: Julia had to \_\_\_\_\_\_ the meeting because she was feeling unwell.

A. put out B. call off C. get out D. look into

**Question 14** [573523]: Sarah \_\_\_\_\_\_ her fear of heights and went skydiving for the first time.

A. got over B. got through C. got by D. got out

**Question 15** [573524]: The scientists plan to \_\_\_\_\_\_ experiments to test the effectiveness of the new drug.

A. call off B. turn down C. look over D. carry out

**Question 16** [573525]: Wait a minute! I need to \_\_\_\_\_\_ my new dress before we go out.

A. put on B. take up C. wear out D. note down

**Question 17** [573526]: I \_\_\_\_\_\_ the words online to understand the message of the song.

A. look into B. look for C. look up D. look down

**Question 18** [573527]: We gathered at the airport to \_\_\_\_\_\_ our friends \_\_\_\_\_\_ who were leaving for their vacation.

A. look/away B. see/up C. look/off D. see/off

**Question 19** [573528]: My husband has decided to set \_\_\_\_\_\_ a business on his own.

A. set up B. look up C. set D. make up

**Question 20** [573529]: You should \_\_\_\_\_\_ the lights after leaving the practice room.

A. turn on B. turn off C. turn down D. turn up

**Question 21** [573530]: I can meet up with you in Hanoi if the plane \_\_\_\_\_\_ before 6:30.

A. takes off B. gets on C. puts on D. finds out

**Question 22** [573531]: The children were excited to \_\_\_\_\_\_ as their favorite superheroes for Halloween.

A. take in B. use up C. come over D. dress up

**Question 23** [573532]: Despite facing many challenges, he doesn’t \_\_\_\_\_\_ his dream of becoming a musician.

A. give in B. give up C. give out D. give away

**Question 24** [573533]: Linda and John \_\_\_\_\_\_ after realizing they wanted different things in life.

A. broke down B. broke up C. broke in D. broke off

**Question 25** [573534]: They are going to \_\_\_\_\_\_ tomorrow. They have planned for the trip for a long time.

A. see off B. set off C. call off D. go off

**Question 26** [573535]: Before boarding their flight, passengers must \_\_\_\_\_\_ at the airline counter to receive their boarding passes.

A. check in B. check out C. check up D. check for

**Question 27** [573536]: Her daughter \_\_\_\_\_\_ her so much that I cannot tell the differences between them.

A. looks after B. takes after C. comes after D. goes after

**Question 28** [573537]: Despite the rain, the children decided to \_\_\_\_\_\_ playing soccer in the park.

A. carry on B. take on C. carry out D. get out

**Question 29** [573538]: While in town, they decided to \_\_\_\_\_\_ at their friend's house for a quick visit.

A. call off B. drop in C. call in D. drop off

**Question 30** [573539]: While shopping downtown, Sarah unexpectedly \_\_\_\_\_\_ an old friend from university.

A. ran for B. ran across C. ran into D. ran out

**Question 31** [573540]: Go \_\_\_\_\_\_ studying English despite any problems.

A. out B. on C. up D. off

**Question 32** [573541]: It’s necessary to \_\_\_\_\_\_ on time; or else, you will lose the job.

A. turn out B. show up C. show off D. turn over

**Question 33** [573542]: He is \_\_\_\_\_\_ by his uncle after his parents had died in a fire.

A. taken after B. brought up C. passed away D. turned off

**Question 34** [573543]: The thieves managed to \_\_\_\_\_\_ the bank and steal the diamonds.

A. break up B. break into C. break out D. break down

**Question 35** [573544]: To improve her health, Rachel decided to \_\_\_\_\_\_ sweets and fatty foods.

A. cut off B. cut in C. cut down on D. cut through

**Question 36** [573545]: She forgot to \_\_\_\_\_\_ her library books on time, so she had to pay a fine.

A. fill out B. go for C. hand in D. look for

**Question 37** [573546]: He politely \_\_\_\_\_\_ the invitation to the party as he had other plans already.

A. turned over B. turned down C. turned in D. turned up

**Question 38** [573547]: Please \_\_\_\_\_\_ some milk on your way home from work.

A. pick on B. pick out C. pick up D. pick off

**Question 39** [573548]: The firefighters were able to quickly \_\_\_\_\_\_ the fire before it spread to other buildings.

A. put up B. put down C. put out D. put off

**Question 40** [573549]: The restaurant offers a discount if you \_\_\_\_\_\_ your order instead of dining in.

A. take away B. take off C. take in D. take up

**Question 41** [573550]: The factory \_\_\_\_\_\_ after operating for over 50 years in the community.

A. put off B. closed down C. took down D. look into

**Question 42** [573551]: The washing machine suddenly \_\_\_\_\_\_ just before the laundry cycle was complete.

A. ran out B. broke down C. broke into D. ran into

**Question 43** [573552]: The team didn't \_\_\_\_\_\_ and managed to score a last-minute goal to win the match.

A. give off B. give in C. give out D. give up

**Question 44** [573553]: Tom suddenly \_\_\_\_\_\_ a bad cold and had to stay home from work.

A. came down with B. came up with C. came across D. came over

**Question 45** [573554]: The flight was delayed for two hours before it finally \_\_\_\_\_\_.

A. took in B. took out C. took over D. took off

**Question 46** [573555]: They \_\_\_\_\_\_ time to finish the project before the deadline.

A. ran into B. ran down C. ran out of D. ran over

**Question 47** [573556]: Whose turn is it to \_\_\_\_\_\_ the kids from school?

A. carry on B. pick up C. bring up D. call off

**Question 48** [573557]: The tradition of making handmade conical hats has been \_\_\_\_\_\_ through generations in her family.

A. passed down B. given up C. taken in D. brought up

**Question 49** [573558]: She finds it hard to \_\_\_\_\_\_ her classmates in math because the lessons are becoming more complex.

A. keep up with B. keep on with C. keep out of D. keep down with

**Question 50** [573559]: He needs to \_\_\_\_\_\_ his glasses to read the small print.

A. put out B. put away C. put on D. put up

**Question 51** [573560]: It's important to \_\_\_\_\_\_ your colleagues to create a productive work environment.

A. get up B. get over C. get on with D. get up with

**Question 52** [573561]: He accidentally \_\_\_\_\_\_ an old friend at the airport after years of not seeing each other.

A. came in B. came by C. came over D. came across

**Question 53** [573562]: They \_\_\_\_\_\_ early in the morning to catch the sunrise at the beach.

A. set out B. set off C. set up D. set down

**Question 54** [573563]: She decided to \_\_\_\_\_\_ a walk in the park instead of going to the gym.

A. go for B. got in C. take in D. turn up

**Question 55** [573564]: In the word "UNESCO", what does the "U" \_\_\_\_\_\_?

A. call for B. stand for C. stand out D. call off

**Question 56** [573565]: She decided to \_\_\_\_\_\_ more about the company before accepting the job offer.

A. look for B. get on C. find out D. take up

**Question 57** [573566]: He felt that his colleagues \_\_\_\_\_\_ him because he was new to the team. They think he does not have any experience.

A. looked up to B. looked down on C. looked for D. looked after

**Question 58** [573567]: To avoid being late, she decided to \_\_\_\_\_\_ her morning routine.

A. slow down B. speed up C. put off D. break down

**Question 59** [573568]: During the storm, the electricity was \_\_\_\_\_\_ for several hours.

A. take out B. take off C. cut down D. cut off

**Question 60** [573569]: The melody of the song \_\_\_\_\_\_ me \_\_\_\_\_\_ the peaceful sound of ocean waves.

A. reminded/of B. took/about C. reminded/about D. took/up

**Question 61** [573570]: The tradition of wood carving has been \_\_\_\_\_\_ through generations in their family.

A. passed through B. passed over C. handed down D. handed in

**Question 62** [573571]: They wanted to \_\_\_\_\_\_ their living room to create a more modern look.

A. take over B. take in C. do with D. do up

**Question 63** [573572]: She felt terrible when her best friend \_\_\_\_\_\_ her \_\_\_\_\_\_ by not attending her birthday party.

A. see/off B. take/down C. let/down D. show/up

**Question 64** [573573]: The teacher asked the students to \_\_\_\_\_\_ any incorrect answers on their test papers.

A. get through B. take down C. cross out D. cross through

**Question 65** [573574]: Don't forget to \_\_\_\_\_\_ at the next bus stop.

A. get out B. get off C. get by D. get in

**Question 66** [573575]: Jane promised to \_\_\_\_\_\_ her friend's cat while she was away on vacation.

A. look up B. look after C. look out D. look into

**Question 67** [573576]: He always \_\_\_\_\_\_ advice when faced with difficult decisions.

A. asks for B. asks out C. takes on D. takes over

**Question 68** [573577]: The tradition of \_\_\_\_\_\_ old traditions has kept the community connected over the years.

A. handing in B. passing over C. handing down D. passing through

**Question 69** [573578]: They had to \_\_\_\_\_\_ the cold weather during their camping trip in the mountains.

A. catch up with B. put up with C. meet up with D. keep up with

**Question 70** [573579]: He felt disappointed when she \_\_\_\_\_\_ his invitation to the dance.

A. turned off B. turned on C. turned down D. turned in

**Topic 8**

TOURISM

**1. TỔNG HỢP TỪ VỰNG CẦN NHỚ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Từ** | **Từ loại** | **Nghĩa** |
| 1 | accommodation | n | *nơi ở lại* |
| 2 | ancient | adj | *cổ xưa* |
| 3 | appealing | adj | *cuốn hút* |
| 4 | budget | n | *kinh phí* |
| 5 | brochure | n | *tờ quảng cáo* |
| 6 | convenience store | np | *cửa hàng tiện lợi* |
| 7 | crowded | adj | *đông đúc* |
| 8 | cruise | n | *chuyến du ngoạn (biển)* |
| 9 | delicious = tasty | adj | *ngon* |
| 10 | destination | n | *điểm đến* |
| 11 | domestic | adj | *nội địa* |
| 12 | embassy | n | *đại sứ quán* |
| 13 | entrance ticket | np | *vé vào cổng* |
| 14 | estimate | v | *ước tính* |
| 15 | fanny pack | np | *túi đeo hông* |
| 16 | fascinating | adj | *thú vị, cuốn hút* |
| 17 | fixed | adj | *cổ định* |
| 18 | flexible | adj | *linh hoạt* |
| 19 | full of flavor | phr | *đầy hưomg vị* |
| 20 | gallery | n | *triển lãm* |
| 21 | holidaymaker | n | *người đi nghỉ dưỡng* |
| 22 | homestay | n | *nhà nghỉ cùng dân địa phương* |
| 23 | hop-on hop-offbus | np | *xe buýt lên xuống nhiều địa điểm* |
| 24 | hostel | n | *nhà trọ giá rẻ* |
| 25 | ideal | adj | *lí tưởng* |
| 26 | incredible | adj | *phi thường* |
| 27 | international | adj | *(thuộc) quốc tế* |
| 28 | itinerary | n | *lịch trình* |
| 29 | luxury luxurious | nadj | *sự sang trọng**sang trọng* |
| 30 | monument | n | *tượng đài* |
| 31 | mouth-watering | adj | *ngon (đồ ăn)* |
| 32 | package holiday | np | *du lịch trọn gói* |
| 33 | pastry | n | *bánh ngọt* |
| 34 | peak season>< low season | np | *mùa cao điểm**>< mùa vắng khách* |
| 35 | pharmacy | n | *hiệu thuốc* |
| 36 | relaxing | adj | *thư giãn* |
| 37 | roller coaster | np | *tàu lượn siêu tốc* |
| 38 | ruinous | adj | *đô nát* |
| 39 | safari | n | *cuộc hành trình, đi săn* |
| 40 | self-guided | adj | *tự tổ chức* |
| 41 | sight | n | *cảnh đẹp* |
| 42 | smooth | adj | *mượt, trôi chảy* |
| 43 | socket adapter | np | *bộ chuyển đổi ổ cắm* |
| 44 | sunblock= sunscreen | nn | *kem chống nắng**kem chống nắng* |
| 45 | tan | n | *vết rám nắng* |
| 46 | terraced field | np | *ruộng bậc thang* |
| 47 | tourist | n | *du khách* |
| 48 | tunnel | n | *đường hầm* |
| 49 | travel agency | np | *đại lí du lịch* |
| 50 | wander | v | *đi dạo* |
| 51 | waterfall | n | *thác nước* |
| 52 | well-known | adj | *nổi tiếng* |

**2. TỔNG HỢP CẤU TRÚC CẦN NHỚ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cụm** | **Nghĩa** |
| 1 | get a notice about sth | *được thông báo về điều gì* |
| 2 | hunt for sth | *săn* |
| 3 | require sb to V | *yêu cầu ai làm gỉ* |
| 4 | on sb’s own = by oneself | *tự làm* |
| 5 | be curious about sth | *tò mò về* |
| 6 | in exchange (for sth) | *đôi lại* |
| 7 | be amazed at sth | *kinh ngạc về* |
| 8 | be rich in | *giàu về* |

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Exercise 1. Circle the best correct answer (A, B, C or D) for each of following questions.

Tra ID Đề [5245] - Tra ID Video [5246]

Question 1 [574299]: It’s helpful to plan a(n) \_\_\_\_\_\_ that includes all the activities and sights you wish to visit.

A. itinerary B. fanny pack C. homestay D. cruise

**Question 2** [574300]: If you want to explore a country’s wildlife, let’s go on a \_\_\_\_\_\_, which offers a chance to see animals in their natural habitat.

A. safari B. roller coaster C. tunnel D. business

**Question 3** [574301]: After seeing the \_\_\_\_\_\_ pictures of the food, I couldn’t wait to try it.

A. unappealing B. tasteless C. boring D. mouth-watering

**Question 4** [574302]: To protect yourself from the sun, you should apply \_\_\_\_\_\_ regularly during outdoor activities.

A. shampoo B. shower gel C. sunblock D. cleanser

**Question 5** [574303]: Tourists often seek for \_\_\_\_\_\_ experiences, which they can explore new places and enjoy activities that are not commonly found at home.

A. unique B. luxurious C. ancient D. flexible

**Question 6** [574304]: Tourists will receive a \_\_\_\_\_\_ at the airport or in hotels, which provides information about local attractions and activities.

A. napkin B. brochure C. fanny pack D. socket adapter

**Question 7** [574305]: Tokyo is a \_\_\_\_\_\_ city and people here have a fast pace of life.

A. polluted B. crowded C. ancient D. ruinous

**Question 8** [574306]: I will do this project for you in exchange \_\_\_\_\_\_ the flight ticket.

A. to B. with C. for D. of

**Question 9** [574307]: Tourists enjoy trying \_\_\_\_\_\_ foods during their travels, as they offer a taste of the local cuisine.

A. fixed B. ancient C. flexible D. delicious

**Question 10** [574308]: It's important for tourists to know the location of the \_\_\_\_\_\_ for assistance with visas, emergencies, and local information.

A. embassy B. gallery C. bakery D. stadium

**Question 11** [574309]: If you’re traveling during the \_\_\_\_\_\_ season, you may have to pay more for the flight tickets.

A. top B. low C. small D. peak

**Question 12** [574310]: This \_\_\_\_\_\_ holiday to Bali includes a meal plan, a 5-star hotel and guided tours to enhance the overall travel experience.

A. self-guided B. packed C. package D. self-reliant

**Question 13** [574311]: A \_\_\_\_\_\_ destination is often popular for its scenic beauty, cultural significance, or recreational activities.

A. well-known B. tasty C. relaxing D. flexible

**Question 14** [574312]: Standing next to a \_\_\_\_\_\_ and hearing natural sounds will be a memorable experience.

A. pharmacy B. monument C. waterfall D. tunnel

**Question 15** [574313]: I’d like to stay in \_\_\_\_\_\_ hotels that offer exceptional comfort and amenities.

A. luxurious B. ancient C. cheap D. local

**Question 16** [574314]: To stay safe, you should carry a \_\_\_\_\_\_ that keeps your belongings.

A. brochure B. sunscreen C. sunglasses D. fanny pack

**Question 17** [574315]: Travelers might \_\_\_\_\_\_ the breathtaking landscapes on their journey.

A. be required B. be amazed at C. be amazing at D. be curious about

**Question 18** [574316]: Some tourists prefer to travel \_\_\_\_\_\_ to avoid the crowd of guided tours.

A. by their own B. on themselves C. by myself D. on their own

**Question 19** [574317]: To get the best travel experience, many travelers \_\_\_\_\_\_ hidden gems and lesser-known attractions.

A. hunt to B. hunt in C. hunt with D. hunt for

**Question 20** [574318]: You’d better book your \_\_\_\_\_\_ ticket in advance so we won’t have to queue.

A. entrance B. pastry C. hostel D. embassy

**Question 21** [574319]: A \_\_\_\_\_\_ is often chosen by travelers wanting to stay in a basic and cheap accommodation.

A. hostel B. hotel C. mansion D. castle

**Question 22** [574320]: Tourists might choose a \_\_\_\_\_\_ tour, which allows visiting sites on their own.

A. self-guided tour B. package holiday C. shared tour D. travel agency

**Question 23** [574321]: In recent years, there has been a growing trend in \_\_\_\_\_\_ holiday as people look to explore destinations closer to home.

A. international B. remote C. domestic D. business

**Question 24** [574322]: A \_\_\_\_\_\_ allows travelers to live with a local family and experience the culture more closely.

A. hotel B. homestay C. resort D. hostel

**Question 25** [574323]: Before planning a trip, remember to set a \_\_\_\_\_\_ to ensure you don’t overspend.

A. schedule B. destination C. budget D. itinerary

**Exercise 2.** **Fili in the blanks with the suitable given words.**

**Tra ID Đề [5247] - Tra ID Video [5248]**

***Paragraph 1***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***visit*** | ***respect*** | ***experience*** |
| ***weather*** | ***popular*** | ***maps*** |

Tourism is a (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ activity around the world. Many people travel to (2) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ new cultures, try different foods, and see famous landmarks. For example, in Paris, you can (3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the Eiffel Tower, while in New York, you can see the Statue of Liberty. Tourists often use (4) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ or smartphones to find their way and plan their activities. It's important to (5) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ local customs and try to speak a few words in the local language. Before traveling, make sure to check the (6) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ and pack accordingly. Remember to have fun and take lots of photos to remember your trip!

***Paragraph 2***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***challenges*** | ***key*** | ***influences*** |
| ***local*** | ***destinations*** | ***eco-friendly*** |

Tourism significantly (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ economies and cultures worldwide. This thing boosts economies by creating jobs for (2) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ people. However, it also presents (3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ such as environmental pollution. This problem can be solved in many ways, including (4) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ accommodations and respect for local traditions. Balancing economic benefits with environmental issues is essential for ensuring that tourism remains a positive force for both (5) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ and travelers. As the industry grows, maintaining this will be (6) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ to its long-term success and sustainability.

**Exercise 3.** **Fill in the blanks with the suitable form of the word in the bracket.**

**Tra ID Đề [5249] - Tra ID video [5250]**

**Question 1** [574324]: Many \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ tourists come to this country to see famous landmarks and enjoy local food. (NATION)

**Question 2** [574325]: The museum welcomes thousands of \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ every month. (VISIT)

**Question 3** [574326]: A lot of travelers choose \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ hotels for a special vacation, enjoying fancy rooms and great services. (LUXURY)

**Question 4** [574327]:cities like Paris and New York attract millions of tourists every year. (KNOW)

**Question 5** [574328]: Beautiful beaches and exciting activities make a destination very \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ to tourists. (APPEAL)

**Question 6** [574329]: We often find \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ stores helpful for buying snacks and essentials during their trips. (CONVENIENT)

**Question 7** [574330]: Some attractions are less \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ early in the morning. (CROWD)

**Question 8** [574331]: A \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ holiday is perfect for those who want an organized vacation experience. (PACK)

Question 9 [574332]: Maps and travel guides help visitors find the best tourist \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ in a city. (ATTRACT)

**Question 10** [574333]: Choosing the right \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ for a vacation can make a big difference in your travel experience. (LOCATE)

**Exercise 4. Mark the letter A, B, C or D to indicate the correct arrangement of the sentences to make a meaningful paragraph / letter for the following questions.**

**Tra ID Đề [5251] - Tra ID video [5252]**

**Question 1 [583475]:**

a. Exploring new destinations can provide valuable cultural experiences and broaden one's knowledge.

b. Many destinations also offer activities that are suitable for diverse interests.

c. Tourism plays an important role in the local economy by creating jobs and generating profit.

d. To decrease these effects, it's important for travelers to practice sustainable tourism and respect local cultures.

e. However, tourism can also lead to negative impacts such as environmental degradation and over-tourism.

A. c-b-a-d-e B. c-a-b-e-d C. c-a-e-d-b D. a-b-c-e-d

**Question 2 [583476]:**

a. In case of an emergency, you can base on those pieces of information.

b. Firstly, before traveling, collect information about local emergency numbers and the location of the nearest hospital or embassy.

c. Tourists should keep these safety instructions below in mind when they travel to other countries.

d. Secondly, always carry a copy of your passport and important documents in case of loss or theft.

e. Thirdly, it is important to follow local laws and customs to ensure a respectful and safe experience in the destination.

A. b-d-e-c-a B. c-b-a-d-e C. c-b-d-a-e D. b-d-a-e-c

Giaoandethitienganh.info – **Tải rất nhiều tài liệu tiếng anh file word chất lượng ( chỉ 100/năm)**